

**SỐ 1
2025**

Bản tin
chuyên đề

ISG

CHƯƠNG TRÌNH HỖ TRỢ QUỐC TẾ

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

TRONG SỐ NÀY:

**Đề xuất chính sách, giải pháp phát triển nền Nông nghiệp sinh thái áp dụng công nghệ cao,
Nông nghiệp tuần hoàn của Việt Nam
Tháng 3/2025**



I. QUAN ĐIỂM

1. QUAN ĐIỂM PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP SINH THÁI ÁP DỤNG CÔNG NGHỆ CAO

- Nông nghiệp sinh thái (NNST) là hướng đi tất yếu hướng tới phát triển nông nghiệp bền vững dựa trên nguyên tắc hạn chế khai thác cạn kiệt tài nguyên, quan tâm đến sức khỏe cây trồng, sức khỏe đất, bảo đảm sự đa dạng sinh học, tăng cường khả năng chống chịu, tiết kiệm tài nguyên (tái chế), nâng cao hiệu quả kết hợp các giá trị xã hội và nhân văn và quản trị có trách nhiệm.
- Phát triển NNST cần kết hợp linh hoạt giữa áp dụng công nghệ cao và các phương pháp truyền thống, bản địa, phù hợp với từng điều kiện sinh thái cụ thể.
- Ban hành các cơ chế, chính sách khuyến khích tạo thuận lợi cho phát triển NNST; nhân rộng mô hình NNST hiệu quả và phù hợp với đặc thù theo vùng miền.
- Phát triển thị trường sản phẩm của NNST là tiếp cận quan trọng nhằm tạo sức hút cho sản xuất, đầu tư vào NNST.

2. QUAN ĐIỂM PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP TUẦN HOÀN

Theo Quyết định 687/QĐ-TTg ngày 07/6/2022 phê duyệt Đề án phát triển kinh tế tuần hoàn (KTTH) ở Việt Nam, quan điểm phát triển Nông nghiệp tuần hoàn (NNTH) bao gồm:

- Phát triển KTTH trong nông nghiệp là định hướng quan trọng sử dụng hiệu quả tài nguyên, nâng cao giá trị gia tăng, bảo vệ môi trường, tạo việc làm và thúc đẩy phát triển nông nghiệp xanh, trách nhiệm, bền vững.
- Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo là công cụ quan trọng trong NNTH, góp phần hiện thực hoá Chiến lược phát triển nông nghiệp và nông thôn bền vững giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050. Ưu tiên đầu tư nghiên cứu phát triển, chuyển giao và thúc đẩy ứng dụng các công nghệ, quy trình sản xuất tiên tiến, bền vững, tiết kiệm tài nguyên, tái sử

dụng phụ phẩm, bảo tồn đa dạng sinh học, giảm phát thải khí nhà kính và bảo vệ môi trường là mục tiêu chiến lược của các chương trình khoa học và công nghệ các cấp từ trung ương đến địa phương.

- Tập trung ban hành các cơ chế, chính sách khuyến khích, ưu đãi, tạo thuận lợi cho phát triển NNTH; nhân rộng, phát huy mô hình NNTH hiệu quả và phù hợp với đặc thù theo vùng miền, đối tượng trên cơ sở kế thừa những kinh nghiệm thực tiễn và thu hút các nguồn lực từ khu vực kinh tế tư nhân trong và ngoài nước.

- Phát triển NNTH bền vững gắn với nhận thức, trách nhiệm và sự chủ động của toàn xã hội đối với cộng đồng và môi trường; gắn với bảo tồn và phát triển các sản phẩm đặc sản bản địa, phát huy lợi thế vùng, miền, địa phương.



II. ĐỀ XUẤT CHÍNH SÁCH, GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP TUẦN HOÀN

1. XÂY DỰNG VÀ HOÀN THIỆN HỆ THỐNG VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT, CƠ CHẾ, CHÍNH SÁCH THÚC ĐẨY PHÁT TRIỂN KTTH TRONG NÔNG NGHIỆP

- Rà soát hiện trạng hệ thống văn bản quy phạm pháp luật, cơ chế, chính sách, tiêu chuẩn quy chuẩn thúc đẩy nghiên cứu, ứng dụng, làm chủ công nghệ, từng bước hình thành ngành KTTH trong nông nghiệp.
- Xây dựng và ban hành các cơ chế, chính sách ưu đãi, khuyến khích nghiên cứu phát triển, làm chủ, chuyển giao và ứng dụng công nghệ công nghệ mới trong sản xuất theo chu trình khép kín từ khâu bảo quản sau thu hoạch đến chế biến, thương mại; chính sách ưu đãi, khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư phát triển KTTH trong

nông nghiệp; chính sách phát triển công nghệ bảo quản, chế biến nông lâm thủy sản; chính sách thu hút và đa dạng hóa các nguồn lực đầu tư cho phát triển NNTH.

- Xây dựng, hoàn thiện hành lang pháp lý cho việc tiếp cận, chuyển giao ứng dụng các công nghệ, vật tư nguyên liệu đầu vào phục vụ phát triển KTTH trong nông nghiệp.
- Nghiên cứu, lồng ghép phát triển ứng dụng KTTH trong nông nghiệp vào chính sách, dự án liên kết vùng.
- Xây dựng, tiêu chí, tiêu chuẩn gắn kết trong chuỗi sản

xuất NNTH từ khâu trồng trọt, chăn nuôi đến thu hoạch, bảo quản và chế biến tạo nên một vòng tròn khép kín tổng thể, tích hợp đa giá trị, thiết lập các tiêu chuẩn môi trường, quy định về quản lý tài nguyên thiên nhiên và quy định về quản lý chất thải. Xây dựng các chế tài xử lý nghiêm các tổ chức, cá nhân vi phạm các nguyên tắc, tiêu chuẩn sản xuất gây ô nhiễm môi trường.

- Nghiên cứu, hoàn thiện môi trường pháp lý nhằm thúc đẩy hoạt động của Quỹ đầu tư mạo hiểm, thúc đẩy hoạt động đầu tư vốn cho doanh nghiệp KHCN khởi nghiệp trong lĩnh vực KTTH trong nông nghiệp.

- Xây dựng chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới theo hướng xanh, bền vững, rà soát và hoàn thiện các chỉ tiêu, tiêu chí về môi trường nông thôn; xây dựng làng sinh thái, làng thông minh thích ứng với biến đổi khí hậu.



2. NGHIÊN CỨU PHÁT TRIỂN ỨNG DỤNG KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ, TIẾN BỘ KỸ THUẬT, QUY TRÌNH SẢN XUẤT TIÊN TIẾN PHỤC VỤ NNTH

- Xây dựng, cập nhật hệ thống cơ sở dữ liệu, thông tin về các ứng dụng, giải pháp công nghệ thông tin, công nghệ số gắn với mô hình KTTH trong nông nghiệp.

- Ưu tiên đầu tư nghiên cứu phát triển, tạo ra các công nghệ, quy trình khép kín theo chuỗi giá trị, bao gồm: nâng cao hiệu quả sử dụng vật tư đầu vào, giảm sử dụng tài nguyên đầu vào, giảm thất thoát sau thu hoạch, kéo dài vòng đời sản phẩm, tái sử dụng và tái chế chất thải, bao gồm chất thải thực phẩm.

- Xây dựng các chương trình, dự án ưu tiên phát triển khoa học công nghệ thúc đẩy KTTH giai đoạn đến năm 2030 để triển khai nghiên cứu ưu tiên cho các lĩnh vực nông nghiệp, cụ thể:

+ Lĩnh vực trồng trọt: Nghiên cứu, chuyển giao và ứng dụng quy trình sản xuất các chế phẩm, phân bón, thuốc bảo vệ thực vật có nguồn gốc sinh học, chế phẩm kích kháng thực vật, pheromone, vắc xin thực vật, chế phẩm phục hồi độ phì đất, dinh dưỡng đất, chế phẩm bảo quản, chế biến; các quy trình canh tác khép kín bền vững, giảm phát thải khí nhà kính phù hợp với đặc thù vùng sinh thái và quy mô sản xuất; các công nghệ tái chế phụ phẩm trong sản xuất trồng trọt.

+ Lĩnh vực chăn nuôi: Nghiên cứu, chuyển giao và đẩy mạnh ứng dụng công nghệ về sản xuất TACN, thức ăn bổ sung/ chất bổ sung TACN, các chế phẩm sinh học xử lý môi trường chăn nuôi; các quy trình công nghệ chăn nuôi tuần hoàn không chất thải; tiết kiệm tài nguyên; các quy trình và công nghệ thu gom, xử lý chất thải lỏng, chất thải rắn để hình thành ngành công nghiệp dinh dưỡng hữu cơ cho canh tác cây trồng; các công nghệ tái chế, sử dụng phụ phẩm trong ngành chăn nuôi (phân thải,

máu, xương, chất độn chuồng) làm năng lượng tái tạo, phân bón.

+ Lĩnh vực thủy sản: Nghiên cứu, chuyển giao và đẩy mạnh ứng dụng công nghệ sản xuất thức ăn thủy sản, các sản phẩm dinh dưỡng bổ sung thức ăn thủy sản từ phụ phẩm nông nghiệp, các chế phẩm sinh học xử lý môi trường nuôi; quy trình công nghệ nuôi tuần hoàn nguồn nước, không chất thải; quy trình thu gom, xử lý tái sử dụng nước nuôi khép kín, xử lý bùn thải, nước thải trong nuôi trồng thủy sản; công nghệ tái chế, sử dụng phụ phẩm trong ngành tôm và cá tra thành các sản phẩm GTGT.

+ Lĩnh vực lâm nghiệp: Nghiên cứu, chuyển giao và đẩy mạnh ứng dụng công nghệ xử lý, tái chế và sử dụng phụ phẩm từ lâm nghiệp làm gỗ, nhiên liệu sinh học, pallet mùn của ép và tấm cách nhiệt, chống cháy sợi gỗ; tăng cường quản lý rừng bền vững; phục hồi diện tích rừng tự nhiên nghèo bị suy thoái; phát triển các mô hình lâm sản ngoài gỗ dưới tán rừng, mô hình nông lâm kết hợp trên diện tích đất quy hoạch cho lâm nghiệp.

+ Nghiên cứu và chuyển giao, ứng các hệ thống sản xuất đa ngành tuần hoàn như nông - lâm kết hợp, trồng trọt - thủy sản luân canh/xen canh, chăn nuôi - thủy sản kết hợp, các hệ thống sản xuất NNST, hữu cơ.



-Tập trung vào nghiên cứu công nghệ liên quan trực tiếp phát triển KTTH như: rải vụ, trái vụ, để bảo quản, vận chuyển, chế biến kinh doanh; tận dụng phụ phẩm trong nông nghiệp

- Ưu tiên xây dựng các chuỗi cung ứng lạnh hợp nhất (Cold Chain Interaction System) kết nối hệ thống thông tin giữa các hoạt động logistics trong chuỗi, tối ưu hóa thời gian và chi phí, nâng cao hiệu quả và sức mạnh của sản phẩm và thương hiệu trên thị trường; góp phần hỗ trợ nhà nước trong hoạt động quản lý an toàn thực phẩm, nâng cao chất lượng cuộc sống người dân, bảo vệ sinh thái và tăng trưởng nông nghiệp bền vững.



3. ĐẨY MẠNH CHUYỂN GIAO CÔNG NGHỆ PHÁT TRIỂN NNTH

Xây dựng chương trình khuyến nông chuyển giao các công nghệ phát triển NNTH, gồm:

- Công nghệ tái chế, tái sử dụng các phụ phẩm, chất thải từ sản xuất, chế biến các ngành lĩnh vực nông nghiệp và thực phẩm.

Lĩnh vực trồng trọt:

+ Công nghệ tái chế, sử dụng phụ phẩm ngành sản xuất lúa gạo, sản xuất cây ăn trái, cà phê, điều, sắn, mía đường...thành các sản phẩm giá trị gia tăng (GTGT): phân bón, thức ăn chăn nuôi, giá thể trồng nấm, than sinh học, đệm lót sinh học, ...;

Lĩnh vực chăn nuôi:

Công nghệ tái chế, sử dụng phụ phẩm trong ngành chăn nuôi (phân thải, máu, xương, chất độn chuồng) làm năng lượng tái tạo, phân bón, thức ăn cho trùn quế, ruồi lính đen.

Lĩnh vực thủy sản:

Công nghệ tái chế, sử dụng phụ phẩm trong ngành sản xuất tôm (vỏ tôm, đầu tôm, nước thải, bùn thải) thành các sản phẩm GTGT: Các chất có hoạt tính sinh học cao như: Chitin, Chitosan, Peptide, axit amin, thực phẩm (dầu tôm, bột tôm), thức ăn chăn nuôi, phân bón, năng lượng tái tạo.

Lĩnh vực lâm nghiệp:

Công nghệ sử dụng phụ phẩm lâm nghiệp sản xuất gỗ, nhiên liệu sinh học (viên nén gỗ), pallet mùn cưa ép và tấm cách nhiệt, chống cháy sợi gỗ; chuyển giao các mô hình có hiệu quả về nâng cao chất lượng rừng, phát triển lâm sản ngoài gỗ dưới tán rừng, nông lâm kết hợp (nông-lâm-ngư kết hợp, hệ thống vườn-ao-chuồng, các mô hình rừng và trang trại, vv...).

Lĩnh vực thực phẩm

Chuyển giao, ứng dụng các công nghệ xây dựng và hoàn thiện chuỗi cung ứng lạnh phục vụ bảo quản thực phẩm gắn với dịch vụ hậu cần tại các vùng sản xuất nông nghiệp trọng điểm.

- Chuyển giao, ứng dụng kỹ thuật và công nghệ tái chế chất thải thực phẩm như dùng nuôi ấu trùng ruồi lính đen (*Hermetia illucens*) để tạo ra các sản phẩm hữu ích như thức ăn chăn nuôi và phân bón hữu cơ.

- Chuyển giao, ứng dụng các kỹ thuật và công nghệ sản xuất bền vững, tiết kiệm vật tư đầu vào, giám sát thải khí nhà kính và thân thiện với môi trường.

- Chuyển giao, ứng dụng các hệ thống sản xuất liên kết và tuần hoàn giữa các lĩnh vực nông-lâm-ngư (nông lâm kết hợp, trồng trọt - chăn nuôi - thủy sản, lâm nghiệp - thủy sản, v.v).



4. PHÁT TRIỂN THỊ TRƯỜNG ĐẦU RA CHO SẢN PHẨM NNTH

- Xây dựng chương trình phát triển thị trường cho sản phẩm ứng dụng KTTH trong nông nghiệp. Tổ chức quảng bá, xúc tiến thương mại cho các sản phẩm ứng dụng KTTH trong nông nghiệp.
- Xây dựng chính sách và thể chế hỗ trợ chứng nhận các sản phẩm NNTH theo các tiêu chuẩn, chứng nhận quốc tế và trong nước phục vụ mục đích xuất khẩu.
- Phát triển các tổ chức trung gian của thị trường công nghệ như sàn giao dịch công nghệ, các tổ chức khác như trung tâm giao dịch công nghệ, trung tâm xúc tiến và hỗ trợ hoạt động chuyển giao công nghệ, trung tâm hỗ trợ định giá tài sản trí tuệ.
- Thực hiện liên kết tổ chức khoa học và công nghệ với doanh nghiệp để kết nối nghiên cứu với thương

mại hoá kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ về KTTH trong nông nghiệp.

- Giảm thuế giá trị gia tăng đối với nguyên liệu tái chế nhằm khuyến khích tái chế nguyên liệu đưa vào sản xuất.

- Xây dựng mô hình Quỹ đầu tư cho doanh nghiệp khởi nghiệp đổi mới sáng tạo ứng dụng các công nghệ tiên tiến, công nghệ số, kết hợp công nghệ trong phát triển nông nghiệp xanh, nông nghiệp hữu cơ ứng dụng KTTH nông nghiệp; hỗ trợ xây dựng thương hiệu sản phẩm từ ứng dụng KTTH trong nông nghiệp tích hợp đa giá trị về môi trường, phát thải thấp gắn với sử dụng tiết kiệm tài nguyên thiên nhiên, bảo vệ đa dạng sinh học.



5. TRUYỀN THÔNG NÂNG CAO NHẬN THỨC VÀ NĂNG LỰC PHÁT TRIỂN KTTH TRONG NÔNG NGHIỆP

- Xây dựng chương trình, kế hoạch truyền thông, nâng cao nhận thức, trách nhiệm của người dân, doanh nghiệp về phát triển KTTH trong nông nghiệp;
- Xây dựng chương trình, kế hoạch đào tạo nâng cao năng lực thực hiện KTTH trong nông nghiệp; đào tạo nâng cao nhận thức, chuyên môn nghiệp vụ về KTTH trong nông nghiệp chuyển đổi từ mô hình kinh tế tuyến tính sang KTTH cho người dân, doanh nghiệp, nhà quản lý, tổ chức sản xuất trong ngành nông nghiệp, chủ doanh nghiệp trong sản xuất nông nghiệp.



- Lồng ghép xây dựng các nội dung về KTTH trong nông nghiệp vào các chương trình giáo dục đào tạo của các trường trung cấp, đại học nông nghiệp. Xây dựng chuyên mục khuyến nông về phát triển KTTH trong nông nghiệp.
- Tổ chức các diễn đàn, hội nghị, hội thảo, xây dựng các trang thông tin điện tử về KTTH trong nông nghiệp để người dân, doanh nghiệp dễ dàng tiếp cận các thông tin, công nghệ, tiến bộ kỹ thuật, quy trình, mô hình sản xuất nông nghiệp theo chu

trình tuần hoàn khép kín, phụ phẩm được tái sử dụng tại chỗ, không thải ra môi trường.

- Xây dựng các trang website, chợ công nghệ, mạng xã hội nhằm nâng cao hiệu quả quảng bá cho các sản phẩm của mô hình KTTH trong nông nghiệp. Xuất bản sổ tay hướng dẫn ứng dụng các giải pháp công nghệ, kỹ thuật, quy trình thu hồi chất thải đối với một số loại dễ thực hiện: phế phụ phẩm nông nghiệp, chất thải chăn nuôi...

III. ĐỀ XUẤT CHÍNH SÁCH, GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN NỀN NÔNG NGHIỆP SINH THÁI ÁP DỤNG CÔNG NGHỆ CAO

1. TRUYỀN THÔNG THAY ĐỔI NHẬN THỨC CỦA NGƯỜI SẢN XUẤT VÀ XÃ HỘI VỀ PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP BỀN VỮNG, NNST

- Cần có những chiến lược truyền thông để thay đổi nhận thức cho những nhà quản lý, người nông dân, hợp tác xã và các doanh nghiệp về NNST.
- Truyền thông thay đổi nhận thức của xã hội để khuyến khích sản xuất theo hướng sinh thái.
- Truyền thông để khuyến khích người tiêu dùng sẵn sàng đón nhận những sản phẩm sản xuất theo các nguyên tắc NNST, khuyến khích và có cơ chế, chính sách để các doanh nghiệp đưa sản

phẩm NNST ra thị trường.

- Xây dựng tài liệu, phổ biến kiến thức, tổ chức đào tạo, tập huấn, truyền thông về NNST, sản xuất, chế biến, tiêu dùng sản phẩm nông nghiệp có trách nhiệm.
- Tăng cường phổ biến rộng rãi các kiến thức và mô hình NNST thành công dưới các hình thức khác nhau để nâng cao nhận thức cho người sản xuất, góp phần nhân rộng mô hình NNST.



2. ĐẨY MẠNH ĐỔI MỚI SÁNG TẠO TRONG NÔNG NGHIỆP, TĂNG CƯỜNG CHIA SẺ TRI THỨC NHẪM HƯỚNG TỚI NỀN NÔNG NGHIỆP BỀN VỮNG, MINH BẠCH, TRÁCH NHIỆM

- Khuyến khích nghiên cứu, phát triển, đổi mới sáng tạo và áp dụng các giống cải tiến thích ứng tốt hơn trước tác động của BĐKH và thiên tai, đồng thời chú trọng công tác thu thập, bảo tồn và phát triển nguồn gen cây trồng, vật nuôi quý của địa phương làm vật liệu chọn tạo giống cả bằng hình thức tại nông hộ và ngân hàng gen;

- Có chính sách và chương trình hỗ trợ kỹ thuật để khuyến khích áp dụng các hệ thống sản xuất sinh thái, bền vững hơn. Hệ thống sản xuất tại những vùng có điều kiện khắc nghiệt cần được đầu tư kết hợp với các ngành, nghề đi kèm (ví dụ: ngành bảo quản, chế biến, thu mua và phân phối sản phẩm...).

- Phát triển và thí điểm các biện pháp khuyến khích để mở rộng quy mô các mô hình thông minh với khí hậu nhằm giảm thiểu phát thải khí nhà kính từ nông nghiệp và góp phần tăng lưu trữ các-bon.

- Tuyên truyền, quảng bá những kỹ thuật mới kết hợp với các kiến thức địa phương để nâng cao hiệu quả sản xuất nhưng không làm mất đi những kinh nghiệm, kỹ thuật địa phương.

- Đầu tư nghiên cứu các mô hình đa dạng về NNST, các kỹ thuật áp dụng phát triển NNST theo các vùng, ngành khác nhau và chia sẻ kết quả, công nghệ áp dụng cho người sản xuất để nhân rộng các mô hình.



3. XÂY DỰNG, HOÀN THIỆN CÁC TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ NNST VÀ CÁC PHƯƠNG THỨC CHỨNG NHẬN SẢN PHẨM NNST

Xây dựng tiêu chí về NNST để đánh giá hệ thống sản xuất hiện tại, từ đó, định hướng phát triển NNST hợp lý với điều kiện của Việt Nam, hay với từng vùng và sản phẩm.

4. XÂY DỰNG CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ NGƯỜI SẢN XUẤT CHUYỂN ĐỔI TỪ NÔNG NGHIỆP TRUYỀN THỐNG SANG NNST

- Ban hành chính sách hỗ trợ người dân trong việc chuyển đổi hệ thống sản xuất. Việc xây dựng hệ sinh thái dịch vụ cho NNST với sự tham gia của khuyến nông cộng đồng là cấp thiết đối với quá trình chuyển đổi sang NNST.

- Xây dựng chính sách đào tạo, tập huấn kiến thức cho người nông dân về NNST.

- Xây dựng chính sách hỗ trợ về giống, kết nối chuỗi, hỗ trợ tiêu thụ sản phẩm NNST và chính sách ưu đãi tín dụng hỗ trợ cho NNST.

5. PHÁT TRIỂN LIÊN KẾT THEO CHUỖI GIÁ TRỊ SẢN PHẨM NNST

- Hoàn thiện các chính sách thúc đẩy liên kết trong sản xuất nông nghiệp. Sửa đổi Nghị định số 98/2018/NĐ-CP, ngày 7/5/2018, của Chính phủ, "Về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp", trong đó có những chính sách hỗ trợ cho các hộ liên kết sản xuất theo mô hình NNST.

- Hỗ trợ các doanh nghiệp bao tiêu đầu ra cho nông nghiệp thông qua chính sách ưu đãi tín dụng, thuế, hỗ trợ đào tạo, xây dựng thương hiệu và quảng bá sản phẩm.

- Nghiên cứu xây dựng phát triển các chương trình thúc đẩy tiêu thụ nông sản an toàn, trách nhiệm, minh bạch, các chương trình hỗ trợ quảng bá cho sản phẩm NNST, dần dần tiến tới thực hiện dán nhãn sinh thái và xây dựng thương hiệu sản phẩm NNST.



- Nghiên cứu xây dựng các phương thức chứng nhận phù hợp cho NNST là rất cần thiết.

- Ứng dụng chuyển đổi số nhằm tăng tính minh bạch cho chuỗi giá trị sản phẩm NNST.

6. PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP BỀN VỮNG THEO HƯỚNG SINH THÁI CẦN ĐƯỢC XÁC ĐỊNH LÀ ĐỊNH HƯỚNG, ĐỒNG THỜI LÀ NHIỆM VỤ CỦA CÁC ĐỊA PHƯƠNG



- Các mục tiêu chuyển đổi theo hướng NNST cần được đưa vào chiến lược phát triển ngành nông nghiệp, trên cơ sở đó, xây dựng lộ trình và kế hoạch hành động phù hợp với điều kiện của từng địa phương.

- Gắn kết kế hoạch hành động của các địa phương với kế hoạch chuyển đổi hệ thống lương thực, thực phẩm quốc gia, tiến tới xây dựng chương trình NNST quốc gia.

- Rà soát lại hệ thống chính sách nông nghiệp hiện hành của cả Trung ương và địa phương để có các điều chỉnh phù hợp với mục tiêu NNST.

Hợp tác xuất bản: Công ty TNHH Dịch vụ và thương mại ATC Việt Nam

Ý kiến đóng góp xin gửi về: Văn phòng ISG: Phòng 1705 tòa nhà A, Bộ Nông nghiệp và Môi trường, số 10 Tôn Thất Thuyết, Mỹ Đình 2, Nam Từ Liêm, Hà Nội

❖ Email: isgmard@mard.gov.vn ❖ Website: www.isgmard.org.vn